TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 780/2026/DS-PT
Ngày 28 - 9 - 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Phùng Văn Định

Bà Hoàng Thị Hải Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 537/2026/TLPT-DS ngày 24 tháng 8 năm 2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*".

Do Bản án sơ thẩm số 206/2026/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 726/2026/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ1 (B). Địa chỉ: T đường T, Phường H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Ong Thị Ngọc S, sinh năm 1977 hoặc bà Lê Thị L, là chuyên viên Phòng khách hàng - Ngân hàng TMCP Đ1 Chi nhánh C3. (Theo Quyết định ủy quyền số 537/QĐ-QLRR ngày 19/02/2025) (Bà S có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Trần Như H, sinh năm 1980; căn cước công dân số 096180010530 ngày cấp 14/8/2021 và ông Lê Chí C, sinh năm 1982, căn cước công dân số 96082000662 ngày cấp 25/4/2021 (Có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Số B, đường P, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Tấn H1, sinh năm 1949, căn cước công dân số 096049003621 ngày cấp 15/11/2021. Địa chỉ cư trú: Số B, đường P, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau (Có mặt)

2. Ông Trần Tấn D, sinh năm 1982, căn cước công dân số 096082009634 ngày cấp 14/8/2021. Địa chỉ cư trú: số B, hẻm B, đường P, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau (Có mặt)

3. Ông Trần Tấn Đ, sinh năm 1952, căn cước công dân số 096052000223 ngày cấp 20/4/2021. Địa chỉ cư trú: số B, hẻm B, đường P, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau (Xin vắng mặt)

4. Bà Huỳnh Thị Kim C1, sinh năm 1956, căn cước công dân số 096156000405 ngày cấp 20/4/2021. Địa chỉ cư trú: số B, hẻm B, đường P, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau (Có mặt)

5. Bà Lê Như T. Địa chỉ cư trú: Số B, đường P, Khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt)

6. Bà Lê Đào D1. Địa chỉ cư trú: Số B, hẻm B, đường P, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt)

- Người kháng cáo:

1. Ngân hàng TMCP Đ1 - Nguyên đơn.

2. Ông Lê Tấn H1 - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Ong Thị Ngọc S trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

Ông Lê Chí C và bà Trần Như H có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ1 (B), cụ thể như sau:

Theo Hợp đồng tín dụng số 395/2023/12865939/HĐTD ký ngày 18/09/2023 (vay 4.000.000.000 đồng); 486/2023/12865939/HĐTD ký ngày 16/11/2023 (vay 3.200.000.000 đồng); 141/2024/12865939/HĐTD ký ngày 15/05/2024 (vay 350.000.000 đồng) giữa Bà Trần Như H và ông Lê Chí C với Ngân hàng TMCP Đ1.

Thực hiện các Hợp đồng tín dụng nói trên, Ngân hàng đã giải Ngân và bà Trần Như H và ông Lê Chí C đã nhận nợ tổng cộng số tiền gốc 7.550.000.000 đồng *(chi tiết theo xác nhận số dư nợ gốc và lãi của khách hàng).*

Tổng số tiền vay: 7.550.000.000 đồng.

Tổng số tiền đã thanh toán: 619.846.673 đồng, trong đó nợ gốc: 31.276.132 đồng; Nợ lãi: 588.570.541 đồng.

Tổng dư nợ tạm tính đến ngày 30/06/2026 là: 9.337.393.277 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 7.518.723.868 đồng; Nợ lãi: 1.818.669.409 đồng (Gồm: Lãi cộng dồn: 1.168.955.405 đồng; Lãi phạt cho gốc 548.973.545 đồng; Lãi phạt lãi chậm trả lãi: 100.740.459 đồng).

Để đảm bảo cho các khoản vay của bà Trần Như H và ông Lê Chí C, ông Lê Tấn H1 (là cha ruột ông C) đã thế chấp các tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông Lê Tấn H1, gồm:

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 118; Tờ bản đồ số: 85, tọa lạc tại đường P, phường A, tỉnh Cà Mau, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 868111, số vào sổ CS01867 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh C cấp ngày 27/09/2019, do ông Lê Tấn H1 đứng tên, theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 162/2019/12833921/HĐBĐ ngày 30/09/2019;

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 67; Tờ bản đồ số: 34, tọa lạc tại hẻm B đường P, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 354341 số vào sổ 00327(02.161) QSDĐ/UB(T) do UBND tỉnh C cấp ngày 05/12/2001 (ghi nhận thay đổi thông tin ngày 15/09/2023), do ông Lê Tấn H1 đứng tên, theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 395/2023/12833921/HĐBĐ ngày 18/09/2023.

Tại thửa đất số 67, Tờ bản đồ số 34 nêu trên, có phát sinh tranh chấp với bên thứ ba là ông Trần Tấn D, ông D cung cấp "Giấy bán căn nhà cấp 4 và đất" lập ngày 29/4/2014 giữa Bên bán là ông Lê Tấn H1 và Bên mua là ông Trần Tấn D, việc mua bán này Ngân hàng không được biết, không được công chứng và cấp thẩm quyền chứng nhận. Tại thời điểm nhận thế chấp, các bên đã thống nhất diện tích đất thế chấp là 305,05m^2 (thể hiện tại Biên bản định giá ngày 18/09/2023); Từ khi thế chấp đến khi Ngân hàng khởi kiện, Tòa án thẩm định tại chỗ, phía Ngân hàng chưa nhận được bất kỳ thông tin mua bán, chuyển nhượng theo nội dung tại Giấy bán căn nhà cấp 4 và đất, lập ngày 29/4/2014 giữa Bên bán là ông Lê Tấn H1 và Bên mua là ông Trần Tấn D, việc mua bán này Ngân hàng không được biết. Việc Bên thế chấp không cung cấp thông tin mua bán cho Ngân hàng đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng; Hơn nữa, giao dịch mua bán này không được công nhận bởi cơ quan có thẩm quyền nên phần diện tích nhà và đất trong giao dịch mua bán này vẫn thuộc tài sản thế chấp Ngân hàng; Do đó, Bên mua có thể kiện ông H1 vi phạm hợp đồng mua bán và yêu cầu ông H1 bồi thường thiệt hại tại vụ kiện khác.

Các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp được xác lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, hình thức, nội dụng hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Đồng thời, Hợp đồng thế chấp được

công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ theo đúng quy định nên có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình vay vốn, bà Trần Như H và ông Lê Chí C không thực hiện đúng cam kết thanh toán nợ vay cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký, quá hạn kể từ ngày 15/09/2024. Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo, liên hệ và làm việc với Bà Trần Như H và ông Lê Chí C để yêu cầu thanh toán nợ vay, thực hiện nghĩa vụ bảo đảm nhưng bà Trần Như H và ông Lê Chí C vẫn không thực hiện trả nợ đối với Ngân hàng. Bà Trần Như H và ông Lê Chí C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Trần Như H và ông Lê Chí C phải thanh toán ngay cho Ngân hàng số tiền nợ với tổng dư nợ tạm tính đến ngày 30/06/2026 là: 9.337.393.277 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 7.518.723.868 đồng; Nợ lãi: 1.818.669.409 đồng (Gồm: Lãi cộng dồn: 1.168.955.405 đồng; Lãi phạt cho gốc 548.973.545 đồng; Lãi phạt lãi chậm trả lãi: 100.740.459 đồng) và nợ lãi phát sinh cho đến khi bà Trần Như H và ông Lê Chí C thanh toán hết khoản nợ Ngân hàng.

Trường hợp khi Bản án có hiệu lực, bà Trần Như H và ông Lê Chí C vẫn không thanh toán nợ hoặc thanh toán nợ không đầy đủ cho Ngân hàng, yêu cầu Tòa án tuyên Ngân hàng có quyền chủ động hoặc đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với tài sản bảo đảm để thi hành án, gồm:

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 118; Tờ bản đồ số: 85, tọa lạc tại đường P, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 868111, số vào sổ CS01867 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh C cấp ngày 27/09/2019 theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 162/2019/12833921/HĐBĐ ngày 30/09/2019 thuộc sở hữu của Ông Lê Tấn H1;

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 67; Tờ bản đồ số: 34, tọa lạc tại hẻm B đường P, khóm A phường A, tỉnh Cà Mau, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 354341 số vào sổ 00327(02.161) QSDĐ/UB(T), do UBND tỉnh C cấp ngày 05/12/2001 (ghi nhận thay đổi thông tin ngày 15/09/2023) theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 395/2023/12833921/HĐBĐ ngày 18/09/2023 thuộc sở hữu của Ông Lê Tấn H1.

Trường hợp sau khi phát mãi tài sản đảm bảo nợ vay mà vẫn không đủ trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, bà Trần Như H và ông Lê Chí C vẫn phải tiếp tục trả nợ bằng mọi tài sản và nguồn thu nhập hợp pháp khác.

Ngân hàng không đồng ý yêu cầu độc lập của ông D, về việc yêu cầu ông Lê Tấn H1 tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng phần đất một phần tại thửa 67, tờ bản đồ 34; diện tích 148,6m^2; không đồng ý với ý kiến của ông H1 là không giao tài sản đảm bảo là toàn bộ thửa đất số 67, tờ bản đồ 34 và tài sản gắn liền với

đất để Ngân hàng yêu cầu xử lý theo thỏa thuận hợp đồng thế chấp.

Bị đơn ông Lê Chí C, bà Trần Như H trình bày:

Ông, bà thống nhất với phần trình bày nêu trên của đại diện nguyên đơn về các hợp đồng tín dụng, thế chấp tài sản. Ông, bà thừa nhận còn nợ và đồng ý thanh toán cho Ngân hàng đến ngày 30/6/2026 tổng số tiền 9.337.393.277 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 7.518.723.868 đồng; Nợ lãi: 1.818.669.409 đồng (Gồm: Lãi cộng dồn: 1.168.955.405 đồng; Lãi phạt cho gốc 548.973.545 đồng; Lãi phạt lãi chậm trả lãi: 100.740.459 đồng) và nợ lãi phát sinh cho đến khi ông, bà thanh toán hết khoản nợ Ngân hàng.

Trường hợp ông, bà không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, thì Ngân hàng TMCP Đ1 có quyền chủ động hoặc đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với tài sản bảo đảm để thi hành án đối với Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và đất ở tại thửa đất số 118, tờ bản đồ số: 85, tọa lạc tại Đường P, khóm E, phường I, thành M, tỉnh Cà Mau (nay là phường A, tỉnh Cà Mau).

Ông C đồng ý với ý kiến của ông H1 là không đồng ý giao toàn bộ quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và đất ở tại thửa đất số 67; Tờ bản đồ số: 34, tọa lạc tại Hẻm B đường P, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau cho Ngân hàng để yêu cầu xử lý theo quy định, vì đối với thửa đất này hiện nay một phần diện tích ông H1 đã chuyển nhượng cho ông D, một phần còn lại thì ông Hoàng T1 cho chị của ông là bà Lê Đào D1, hiện nay gia đình ông D, bà D1 đang sinh sống trên thửa đất này.

Ông Lê Tấn H1 trình bày:

Ông thừa nhận ông có dùng tài sản của ông là các quyền sử dụng đất như phần trình bày của Ngân hàng và bị đơn để ký các hợp đồng thế chấp bảo lãnh cho con ông là ông Lê Chí C và con dâu bà Trần Như H vay vốn tại Ngân hàng B. Ông đồng ý trường hợp ông C, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, thì Ngân hàng TMCP Đ1 có quyền chủ động hoặc đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với tài sản bảo đảm để thi hành án đối với Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và đất ở tại thửa đất số 118; tờ bản đồ số: 85, tọa lạc tại đường P, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau.

Đối với Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và đất ở tại thửa đất số 67; Tờ bản đồ số: 34, tọa lạc tại hẻm B đường P, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau ông không đồng ý giao cho Ngân hàng để yêu cầu xử lý thu hồi nợ, vì ông đã chuyển nhượng cho ông D 150m^2, theo đo đạc thực tế còn 148,6m^2 vào năm 2014, việc chuyển nhượng có lập Giấy bán nhà và đất, một phần còn lại ông đã tặng cho con ông là bà Lê Đào D1, việc tặng cho không có văn bản, hiện nay gia đình ông D, bà D1 đang sinh sống trên thửa đất này. Ông đồng ý yêu cầu của ông D là tiếp tục chuyển nhượng phần đất 148,6m^2 cho ông D; phần còn lại yêu cầu ổn định cho bà D1 tiếp tục sử dụng. Đối với phần đất chuyển nhượng cho ông D thì trước đây ông

tặng cho em của ông là bà Lê Thị Ơ nhưng không có văn bản, sau này bà Ơ trả lại cho ông và ông là người trực tiếp ký tên chuyển nhượng cho ông D, hiện nay không còn liên quan gì đến bà Ơ.

Ông Trần Tấn D trình bày:

Ngày 29/4/2014, ông có nhận chuyển nhượng của ông Lê Tấn H1 phần đất với diện tích 150m² (bao gồm căn nhà cấp 4 diện tích 64m² trên phần đất) tọa lạc tại khóm B, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường A, tỉnh Cà Mau) được Ủy ban nhân dân tỉnh C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký ngày 05/12/2001, do ông Lê Tấn H1 đứng tên, phần đất thuộc một phần số thửa 67, số tờ bản đồ 34, diện tích 3.221,0m², mục đích sử dụng: vườn, việc chuyển nhượng được lập Giấy bán nhà và đất, ông D với ông H1 cùng ký tên, ông đã thanh toán xong tiền chuyển nhượng cho ông H1 số tiền 500.000.000 đồng, có xác nhận của T2 khóm khóm B, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau, nhưng đến nay chưa làm thủ tục hợp đồng chuyển nhượng công chứng theo quy định, chưa chuyển tên quyền sử dụng thửa đất nêu trên. Gia đình ông gồm cha ông là ông Trần Tấn Đ, mẹ ông là bà Huỳnh Thị Kim C1 và ông đang sinh sống trên phần đất này kể từ sau khi chuyển nhượng đến nay.

Hiện nay, ông được biết ông H1 có thế chấp tài sản cho Ngân hàng bao gồm thửa đất 67 nêu trên và Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp. Ông không đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng; Ông yêu cầu ông H1 tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thực hiện thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất cho ông đối với phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 148,6m² (thuộc một phần thửa số 67, tờ bản đồ 34).

Ông Trần Tấn Đ và bà Huỳnh Thi Kim C2 trình bày:

Ông, bà thống nhất với ý kiến, yêu cầu độc lập của ông D về việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông H1. Ông D là người trực tiếp ký tên văn bản chuyển nhượng với ông H1, ông, bà hiện nay cùng sinh sống với ông D tại nhà đất trên. Ông, bà không đồng ý giao đất theo yêu cầu của Ngân hàng để yêu cầu xử lý, thu hồi khoản nợ của ông C và bà H. Ông Đ xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bà Lê Như T trình bày:

Bà là con của ông H1, cùng sống chung căn nhà và thửa đất số 118, tờ bản đồ số 85, tọa lạc tại số B, Phan Ngọc H2, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau. Bà đồng ý theo ý kiến của ông H1 về việc giao tài sản thế chấp là thửa đất nêu trên cho Ngân hàng, yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Bà không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án này.

Bà Lê Đào D1 trình bày:

Bà là con của ông H1, hiện nay bà sinh sống tại căn nhà và thửa đất số 67, tờ bản đồ số 34, tọa lạc tại số B, hẻm B, Phan Ngọc H2, khóm A, phường A, tỉnh Cà

Mau. Bà đồng ý theo ý kiến của ông H1 về việc giao tài sản thế chấp là thửa đất nêu trên cho Ngân hàng, yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 206/2026/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 (B), về việc yêu cầu ông Lê Chí C, bà Trần Như H thanh toán nợ vay.

Buộc ông Lê Chí C, bà Trần Như H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 đến ngày 30/6/2026 tổng cộng 9.337.393.277 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 7.518.723.868 đồng;Nợ lãi: 1.818.669.409 đồng (Gồm: Lãi cộng dồn: 1.168.955.405 đồng; Lãi phạt cho gốc 548.973.545 đồng; Lãi phạt lãi chậm trả lãi: 100.740.459 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 30/6/2026 ông Lê Chí C, bà Trần Như H phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp, hợp đồng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp các bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên cho Ngân hàng, thì buộc các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tấn H1, bà Lê Như T, bà Lê Đào D1 giao tài sản thế chấp để Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ, gồm những tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 118; tờ bản đồ số: 85, tọa lạc tại đường P, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 868111, số vào sổ CS01867 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh C cấp ngày 27/09/2019 thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông Lê Tấn H1;

- Một phần Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 67; tờ bản đồ số: 34, tọa lạc tại hẻm B, đường P, khóm A phường A, tỉnh Cà Mau, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 354341 số vào sổ 00327(02.161) QSDĐ/UB(T), do UBND tỉnh C cấp ngày 05/12/2001 (ghi nhận thay đổi thông tin ngày 15/09/2023) thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông Lê Tấn H1, phần còn lại sau khi trừ phần chuyển nhượng cho ông D 148,6m^2 (phần nhà, đất do bà Lê Đào D1 đang quản lý, sử dụng).

3. Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 395/2023/12833921/HĐBĐ ngày 18/09/2023 giữa Ngân hàng B với ông Lê Tấn H1 thế chấp thửa đất số 67, tờ bản đồ 34 là vô hiệu một phần đối với phần đất diện tích 148,6m^2 (thửa số 1 theo bản vẽ hiện trạng ngày 19/6/2026)

và căn nhà cấp 4 trên đất (kết cấu xây dựng gạch, đá) diện tích 71,9m^2 + diện tích mái che 16,7m^2, hiện nay ông Trần Tấn D đang quản lý, sử dụng, tọa lạc tại hẻm B đường P, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau.

4. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ cho Ngân hàng B thì ông C, bà H phải tiếp tục nghĩa vụ thanh toán số nợ còn lại bằng những nguồn tiền, tài sản khác.

5. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trần Tấn D, buộc ông Lê Tấn H1 tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 148,6m^2 (thửa số 1) và căn nhà cấp 4 (kết cấu xây dựng gạch, đá) diện tích 71,9m^2 + diện tích mái che 16,7m^2 do ông Trần Tấn D đang quản lý, sử dụng (thuộc một phần thửa đất số 67; Tờ bản đồ số: 34, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 354341 số vào sổ 00327(02.161) QSDĐ/UB(T), do UBND tỉnh C cấp ngày 05/12/2001 (ghi nhận thay đổi thông tin ngày 15/09/2023)), tọa lạc tại hẻm B đường P, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau.

(*Kèm theo bản vẽ hiện trạng ngày 19/6/2026 của Công ty TNHH P*)

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 16 tháng 7 năm 2026, nguyên đơn kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu phát mãi đối với tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 34, địa chỉ: Hẻm B, đường P, khóm E, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau) theo hợp đồng thế chấp số 395/2023/12833921/HĐBĐ ngày 18/9/2023 để thu hồi nợ theo quy định; tuyên hợp đồng thế chấp số 395/2023/12833921/HĐBĐ ngày 18/9/2023 có hiệu lực pháp luật.

Ngày 15 tháng 7 năm 2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tấn H1 kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu Ngân hàng xử lý diện tích đất bà Lê Đào D1 đang quản lý để thu hồi nợ do ông đã tặng cho bà D1 và bà D1 đã quản lý sử dụng phần đất này từ lâu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Ngân hàng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan ông Lê Tấn H1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 206/2026/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 (B) kiện yêu cầu bà Trần Như H và ông Lê Chí C phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ và yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ; bị đơn là cá nhân không có đăng ký kinh doanh và khoản vay không có mục đích lợi nhuận, do đó, cấp sơ thẩm xác định tranh chấp về dân sự "hợp đồng tín dụng" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau là đúng quan hệ tranh chấp và đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H1 nộp trong hạn luật định và Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm; ông H1 là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn nộp theo quy định, do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung: Đủ cơ sở xác định thực tế ông C, bà H có vay tiền tại Ngân hàng B theo các Hợp đồng tín dụng số 395/2023/12865939/HĐTD ký ngày 18/09/2023 (vay 4.000.000.000 đồng); số 486/2023/12865939/HĐTD ký ngày 16/11/2023 (vay 3.200.000.000 đồng); số 141/2024/12865939/HĐTD ký ngày 15/05/2024 (vay 350.000.000 đồng). Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, ông C, bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện. Các bị đơn thống nhất thừa nhận còn nợ và đồng ý thanh toán cho Ngân hàng số tiền như Ngân hàng yêu cầu. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc các bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 9.337.393.277 đồng là có căn cứ. Xét thấy, sau khi xét xử sơ thẩm, Ngân hàng và ông C, bà H không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đối với các nội dung này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn đề nghị cấp phúc thẩm sửa 01 phần án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu phát mãi đối với tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 34, địa chỉ: Hẻm B, đường P, khóm E, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau) theo hợp đồng thế chấp số 395/2023/12833921/HĐBĐ ngày 18/9/2023 để thu hồi nợ theo quy định; tuyên hợp đồng thế chấp số 395/2023/12833921/HĐBĐ ngày 18/9/2023 có hiệu lực pháp luật, thấy rằng:

[3.1] Ông Lê Tấn H1 và ông Trần Tấn D có giao dịch chuyển nhượng quyền sở hữu nhà gắn liền với quyền sử dụng đất vào năm 2014, các bên có lập văn bản "Giấy bán căn nhà cấp 4 và đất" đề ngày 29/4/2014, các bên cùng ký tên, văn bản có xác nhận của Trưởng khóm B, phường I, thành phố C. Tài sản giao dịch ông H1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 354341 số vào sổ 00327(02.161) QSDĐ/UB(T), do UBND tỉnh C cấp ngày 05/12/2001 (ghi nhận thay đổi thông tin ngày 15/09/2023) tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 34, tọa lạc tại hẻm B, đường P, khóm A phường A, tỉnh Cà Mau. Đây là sự việc được ông H1 và ông D thống nhất thừa nhận. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông D đã thanh toán xong tiền chuyển nhượng cho ông H1 và ông H1 đã giao nhà đất cho ông D, từ năm 2014 đến nay ông D đã sinh sống tại căn nhà và đất này liên tục, ổn định, không tranh chấp. Như vậy, có căn cứ chứng minh ông H1 và ông D đã thực hiện xong 2/3 nghĩa vụ của hợp đồng chuyển nhượng, tuy chưa hoàn tất thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất nhưng ông H1 xác định đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng nhà đất trên cho ông D. Cấp sơ thẩm công nhận hợp đồng chuyển nhượng giữa ông H1 và ông D có hiệu lực, chấp nhận yêu cầu độc lập của ông D, buộc ông H1 tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cho ông D phần đất theo đo đạc thực tế 148,6m^2 là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 129 Bộ luật Dân sự: *"Giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó. Trong trường hợp này, các bên không phải thực hiện việc công chứng, chứng thực".* Do đó, cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện, đánh giá chứng cứ đầy đủ, khách quan và áp dụng đúng quy định pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án khi xử lý yêu cầu độc lập của ông D đối với ông H1.

[3.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý toàn bộ tài sản thế chấp tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 34, tọa lạc tại hẻm B, đường P, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau (có bao gồm phần đất ông H1 chuyển nhượng cho ông D diện tích đo đạc thực tế 148,6m^2): Căn cứ chứng cứ do Ngân hàng cung cấp là Biên bản thẩm định giá ngày 18/9/2023 thể hiện chỉ có ông H1 ký tên, không có ông D ký tên, Ngân hàng không xem xét thẩm định phần đất ông D nhận chuyển nhượng của ông H1 từ năm 2014 và ông D đang sinh sống trên đất, ngoài ra, Ngân hàng không cung cấp được văn bản nào khác thể hiện vào thời điểm Ngân hàng thẩm định tài sản thế chấp có sự đồng ý và có chữ ký của ông D là người đang trực tiếp sử dụng nhà đất diện tích 148,6m^2. Suốt quá trình tố tụng, ông D và ông H1 đều xác định khi Ngân hàng đến thẩm định tài sản thì không đến phần đất ông D nhận chuyển nhượng, ông H1 chỉ đưa cán bộ Ngân hàng đến phần đất và nhà bà D1 đang sinh sống, không đến phần đất và nhà ông D sinh sống. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng xử lý tài sản là nhà gắn liền diện tích đất 148,6m^2 để

thu hồi nợ là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Ngân hàng kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ mới chứng minh yêu cầu kháng cáo là có cơ sở, phù hợp pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng.

[4] Đối với kháng cáo của ông H1 yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu Ngân hàng xử lý diện tích đất bà Lê Đào D1 đang quản lý để thu hồi nợ: Xét thấy, các giao dịch đất đai đều phải tuân thủ các quy định pháp luật, ông H1 cho rằng đã tặng cho bà D1 diện tích đất là phần đất còn lại của thửa 67 sau khi trừ diện tích 148,6m^2 đã chuyển nhượng cho ông D. Tuy nhiên, ông H1 và bà D1 thống nhất thừa nhận việc tặng cho chỉ nói miệng, không có hợp đồng tặng cho theo quy định, nên cấp sơ thẩm xác định việc tặng cho không có giá trị pháp lý, phần đất này vẫn thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông H1 là có căn cứ. Mặt khác, khi Ngân hàng xem xét thẩm định tài sản thế chấp ngày 18/9/2023 đã có đến tại phần đất bà D1 đang sinh sống và bà D1 đồng ý việc ông H1 thế chấp phần đất để đảm bảo cho khoản vay. Suốt quá trình tố tụng tại tòa, bà D1 không phản đối yêu cầu của Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp đối với phần đất này. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông H1.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của ông H1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 206/2026/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[6] Án phí phúc thẩm: Nguyên đơn kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật. Miễn án phí phúc thẩm cho ông H1 do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1; không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Tấn H1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 206/2026/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 92; Điều 147; Điều 207; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 299; 301; 302; 317; 320; 323; Điều 355; 463; 466 và 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 (B), về việc yêu cầu ông Lê Chí C, bà Trần Như H thanh toán nợ vay.

Buộc ông Lê Chí C, bà Trần Như H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 đến ngày 30/6/2026 tổng cộng 9.337.393.277 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 7.518.723.868 đồng;Nợ lãi: 1.818.669.409 đồng (Gồm: Lãi cộng dồn: 1.168.955.405 đồng; Lãi phạt cho gốc 548.973.545 đồng; Lãi phạt lãi chậm trả lãi: 100.740.459 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 30/6/2026 ông Lê Chí C, bà Trần Như H phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp, hợp đồng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp các bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên cho Ngân hàng, thì buộc các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tấn H1, bà Lê Như T, bà Lê Đào D1 giao tài sản thế chấp để Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ, gồm những tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 118; tờ bản đồ số: 85, tọa lạc tại đường P, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 868111, số vào sổ CS01867 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh C cấp ngày 27/09/2019 thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông Lê Tấn H1;

- Một phần Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 67; tờ bản đồ số: 34, tọa lạc tại hẻm B, đường P, khóm A phường A, tỉnh Cà Mau, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 354341 số vào sổ 00327(02.161) QSDĐ/UB(T), do UBND tỉnh C cấp ngày 05/12/2001 (ghi nhận thay đổi thông tin ngày 15/09/2023) thuộc quyền sử dụng, sở hữu của Ông Lê Tấn H1, phần còn lại sau khi trừ phần chuyển nhượng cho ông D 148,6m^2 (phần nhà, đất do bà Lê Đào D1 đang quản lý, sử dụng).

3. Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 395/2023/12833921/HĐBĐ ngày 18/09/2023 giữa Ngân hàng B với ông Lê Tấn H1 thế chấp thửa đất số 67, tờ bản đồ 34 là vô hiệu một phần đối

với phần đất diện tích 148,6m^2 (thửa số 1 theo bản vẽ hiện trạng ngày 19/6/2026) và căn nhà cấp 4 trên đất (kết cấu xây dựng gạch, đá) diện tích 71,9m^2 + diện tích mái che 16,7m^2, hiện nay ông Trần Tấn D đang quản lý, sử dụng, tọa lạc tại hẻm B đường P, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau.

4. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ cho Ngân hàng B thì ông C, bà H phải tiếp tục nghĩa vụ thanh toán số nợ còn lại bằng những nguồn tiền, tài sản khác.

5. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trần Tấn D, buộc ông Lê Tấn H1 tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 148,6m^2 (thửa số 1) và căn nhà cấp 4 (kết cấu xây dựng gạch, đá) diện tích 71,9m^2 + diện tích mái che 16,7m^2 do ông Trần Tấn D đang quản lý, sử dụng (thuộc một phần thửa đất số 67; Tờ bản đồ số: 34, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 354341 số vào sổ 00327(02.161) QSDĐ/UB(T), do UBND tỉnh C cấp ngày 05/12/2001 (ghi nhận thay đổi thông tin ngày 15/09/2023)), tọa lạc tại hẻm B đường P, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau.

(*Kèm theo bản vẽ hiện trạng ngày 19/6/2026 của Công ty TNHH P*)

6. Về án phí:

6.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông C, bà H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 117.337.000 đồng, nộp tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 không phải chịu án phí, Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí số tiền 57.892.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Cà Mau (theo biên lai số 00010148 ngày 10/01/2025) được nhận lại toàn bộ.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Tấn H1. Ông Trần Tấn D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, biên lai thu số 0006400 ngày 19/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

6.2. Án phí phúc thẩm:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng, Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng tại Biên lai thu số 0001259 ngày 27/7/2026 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh C được chuyển thu án phí toàn bộ.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lê Tấn H1.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều Điều 4, 7, 8, 34, 36 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa PT TATC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Cà Mau (02 bản);
- TAND Khu vực 1 - Cà Mau (01 bản);
- THADS Khu vực 1 - Cà Mau (01 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Minh Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Phùng Văn ĐịnhHoàng Thị Hải Hà

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Minh Nguyệt